TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÒA VANG** **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 56/2018/QĐST-HNGĐ	*Hòa Vang, ngày 25 tháng 9 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 28/2018/TLST-HNGĐ ngày 26/3/2018, giữa:

- **Nguyên đơn**: Bà **Ngô Thị Đ**, sinh năm 1974; địa chỉ cư trú: Tổ 7, thôn Đ, xã C, huyện V, thành phố Đà Nẵng.

- **Bị đơn**: Ông **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1974; địa chỉ cư trú: Tổ 7, thôn Đ, xã C, huyện V, thành phố Đà Nẵng.

- **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan**:

+ **Ngân hàng X**; địa chỉ trụ sở: Số 169, Phố L, quận H, Hà Nội. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn B. (Địa chỉ phòng giao dịch tại huyện Hòa Vang: Khu trung tâm hành chính huyện Hòa Vang, xã Hòa Phong, huyện Hòa Vang)

+ **Ngân hàng K**; địa chỉ trụ sở chính: Toà nhà Techcombank, 15 đường Đ, Hà Nội. (Địa chỉ chi nhánh tại Đà Nẵng: 304 đường N, thành phố Đà Nẵng)

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 17 tháng 9 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 9 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Ngô Thị Đ và ông Nguyễn Văn H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

a) Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự tự nguyện ly hôn giữa bà Ngô Thị Đ và ông Nguyễn Văn H.

b) Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thành H, sinh ngày 25/10/2001 và Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 04/9/2004. Các bên tự nguyện thống nhất giao hai con chung cho bà Đ trực tiếp nuôi dưỡng, ông Hải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con Nguyễn Thị Thanh T cho bà Ngô Thị Đ là 2.000.000

đồng/tháng kể từ ngày 01/10/2018 cho đến khi con Nguyễn Thị Thanh T đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con vẫn được thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết vì lợi ích của con chung các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành, thì còn phải trả tiền lãi theo mức lãi suất thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng số tiền chậm thi hành án tại thời điểm thanh toán.

c) Về quan hệ tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết vì đã bán và tự chia xong

d) Về quan hệ nợ chung: Các bên tự nguyện xác nhận nợ và thỏa thuận như sau:

Đối với khoản vay tại Hợp đồng tín dụng số DNG20170749/HĐTD ngày 23/5/2017 (dư nợ còn lại tính đến ngày 19/4/2018 là 5.337.000 đồng nợ gốc và 35.365 đồng nợ lãi) và khoản vay tại Hợp đồng tín dụng số DNG20171785/HĐTD ngày 23/10/2017 (dư nợ còn lại tính đến ngày 19/4/2018 là 12.002.000 đồng nợ gốc và 85.648 đồng nợ lãi) mà bà Ngô Thị Đ vay của Ngân hàng K bằng hình thức vay tiêu dùng trả góp không có tài sản đảm bảo và hiện đang được trừ nợ dần qua thẻ lương của bà Đ thì bà Ngô Thị Đ có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ theo Hợp đồng đã ký kết cho đến khi hết nợ.

Đối với khoản nợ Ngân hàng X: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

đ) Về Án phí:

Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 150.000 đồng, bà Đ và ông Hải mỗi người phải chịu 75.000 đồng. Án phí đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: ông Hải phải chịu 150.000 đồng. Bà Đ tự nguyện chịu 150.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 150.000 đồng án phí đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung (đã nộp xong tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng, theo biên lai thu số 6325 ngày 21/3/2018).

Hoàn trả cho bà Ngô Thị Đ 3.125.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 6326 ngày 21/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

Lệ phí định giá tài sản là 3.500.000 đồng, lệ phí xem xét thẩm định tại chỗ là 2.000.000 đồng (bà Đ tự nguyện chịu, đã nộp và chi xong).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- *VKSND huyện Hòa Vang;*
- *Chi cục THADS huyện Hòa Vang;*
- *UBND xã ....;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

LÊ THỊ XUÂN PHƯƠNG